TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 05-8-2020
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiền Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Rạt

Bà Trần Thị Đổi

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Kiều Thị Tùng Khương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 05 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 566/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 218/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 106/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phan Thị Thùy Tr**, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Ấp 2, xã N, huyện N, tỉnh Long An. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Huỳnh Văn X**, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện N, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/6/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Phan Thị Thùy Tr trình bày: Bà và ông Huỳnh Văn X sống chung với nhau từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Long An vào ngày 12/01/2018. Bà và ông Xing sống chung với nhau được gần 03 năm. Đến năm 2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông X ham chơi không lo làm ăn, hay hành hung đánh vợ, con. Bà đã nhiều lần nguyên ngăn nhưng ông X vẫn không thay đổi. Cuộc sống vợ chồng không còn hành phúc. Bà và ông X đã ly thân từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay. Hiện tại, bà sống chung với cha mẹ ruột ở xã Hòa Khánh

Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng cũng không còn khả năng hàn gắn. Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Huỳnh Văn X.

Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông X có 01 con chung tên là Huỳnh Đăng K, sinh ngày 28/11/2017. Hiện tại, bà là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Khi ly hôn, bà yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Bà xác định bà và ông X không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định bà và ông X không có nợ ai.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Huỳnh Văn X được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện việc bà Tr yêu cầu được ly hôn với ông X, nhưng ông X vẫn vắng mặt, không có văn bản ý kiến trình bày đối với các yêu cầu khởi kiện của bà Tr.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt. Nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phan Thị Thùy Tr khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Văn X. Ông X hiện đang cư trú tại xã Đ, huyện N, tỉnh Long An. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn là bà Phan Thị Thùy Tr có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[3] Bị đơn là ông Huỳnh Văn X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Phan Thị Thùy Tr:

[4.1] Về hôn nhân: Xét thấy, bà Tr và ông X tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 13 đăng ký ngày 12/01/2018 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Long An cấp, nên xác định hôn nhân giữa bà Tr và ông X là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy, quá trình chung sống giữa bà Tr và ông X

đã phát sinh mâu thuẫn với những nguyên nhân do bà Tr trình bày. Ông X là người trực tiếp ký nhận các văn bản tố tụng của Tòa án biết được sự việc bà Tr yêu cầu được ly hôn với ông X tại Tòa án, nhưng ông X vẫn không có ý kiến, luôn cố tình vắng mặt, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ mẫu thuẫn tình cảm giữa bà Tr và ông X là có thật, quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, việc bà Tr cương quyết ly hôn với ông X là có cơ sở, nghĩ nên chấp nhận xử cho bà Tr được ly hôn với ông X là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4.2] Về nuôi con chung: Theo quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "...Vợ, chồng được quyền thỏa thuận người trực tiếp nuôi con...; Nếu con từ 07 (bảy) tuổi trở lên thì xem xét nguyện vọng của con...". Tại thời điểm xét xử, con chung tên là Huỳnh Đăng K, sinh ngày 28/11/2017 chưa đủ 07 tuổi nên Tòa án không lý ý kiến nguyện vọng của con chung muốn sống chung với ai. Ông X luôn cố tình vắng mặt, nên các bên không thể thỏa thuận việc nuôi con chung. Xét thấy, hiện tại con chung đang do bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng và đang có cuộc sống ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, trên cơ sở yêu cầu của bà Tr, vì lợi ích của con chung, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, trong học tập, nên cần giao cháu K cho bà Tr được quyền tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Tr không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con.

[4.3] Về chia tài sản và nợ chung: Do ông X cố tình vắng mặt, không có ý kiến trình bày. Bà Tr xác định giữa bà Tr và ông X không có tài sản cung và không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Buộc bà Phan Thị Thùy Tr phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82,

Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thùy Tr về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" đối với ông Huỳnh Văn X.

1. Về hôn nhân: Cho bà Phan Thị Thùy Tr được ly hôn với ông Huỳnh Văn X.

2. Về nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Phan Thị Thùy Tr được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên là Huỳnh Đăng K, sinh ngày 28/11/2017. Ông Huỳnh Văn X không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Buộc bà Phan Thị Thùy Tr phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà Nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Tr đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005486 ngày 08/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà Phan Thị Thùy Tr đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) kể từ ngày được Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Long An; *(để ghi vào sổ hộ tịch)*;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Tiền Phương